TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TS** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2023
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Trần Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: số 1988, tổ 01, ấp HT, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Lâm Kha M, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm TN, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: số 1988, tổ 01, ấp HT, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Lâm Kha M do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 03/12/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Trong thời gian sống chung thì vợ chồng cũng hay cự cãi nhưng đến năm 2021 thì mâu thuẫn ngày càng nhiều, do tính tình không còn phù hợp, anh M hay cọc cằn và khi say xỉn thì thường hay chửi chị, anh M làm không lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh Lâm Kha M.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lâm Minh H, sinh ngày 01/10/2013 (hiện đang sống với chị T). Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

** Về phía bị đơn anh Lâm Kha M:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng anh M không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lâm Kha M.

- Về con chung: Giao con chung tên Lâm Minh H, sinh ngày 01/10/2013 cho chị T nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Lâm Kha M có địa chỉ huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lâm Kha M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lâm Kha M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Kha M tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 03/12/2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh M sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc. Trong thời gian sống chung thì vợ chồng cũng hay cự cãi nhưng đến năm 2021 thì mâu thuẫn ngày càng nhiều, do tính tình không còn phù hợp, anh M hay cọc cằn và khi say xỉn thì thường hay chửi chị, anh M làm không lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Về phía anh M, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh M, tạo điều kiện cho anh M hàn gắn tình cảm với chị T nhưng anh M không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị T, cho thấy anh M không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh M có 01 con chung tên Lâm Minh H, sinh ngày 01/10/2013, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: hiện tại cháu H đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 23/3/2023 của cháu H cũng có nguyện vọng được sống với chị T khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu H cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị T phải tạo điều kiện cho anh M đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, anh M không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Nguyễn Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lâm Kha M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2013,Quyển số I/2013 ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Lâm Minh H, sinh ngày 01/10/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Lâm Kha M không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Chị Nguyễn Thị T phải tạo điều kiện cho anh Lâm Kha M được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần Tết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Kha M không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng M nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Kha M vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011535 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục T hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND TT.PH, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm